TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2021/DS-PT
Ngày: 05-02-2021
V/v Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Đức Nam.

2. Ông Trần Quang Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số: 619/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1396/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 về việc "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Tứ Q, sinh năm 1947.

Địa chỉ: 81/17 Đường V, Phường X, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, quận TĐ, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền được công chứng số 3774, quyển số 5-SCT/CK,CĐ ngày 06/5/2017 tại Văn phòng Công chứng B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Gia P (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 06 Đường L, Phường M, quận B, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-QLDA ngày 04/01/2021 của Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan S – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: 107E Đường Q, Phường P, Quận A , Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần Xây dựng V.

Địa chỉ: 252 B1 Đường R, Phường S, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Xây dựng V: Ông Tô Đăng K, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 252 B1 Đường R, Phường S, Quận T, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền ngày 12/4/2018 của Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan S – Văn phòng Luật sư HH – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: 107E Đường Q, Phường P, Quận A , Thành phố H.

3.2. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng LN.

Địa chỉ: 132B Đường A, Khu phố 4, phường P, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng LN: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 132B Đường A, Khu phố 4, phường P, Quận M, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền số 10/LN-2018 ngày 12/4/2018 của Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng LN.

3.3. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Q.

Địa chỉ: 338 Đường Đ, Phường 1, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Q:

- Ông Nguyễn Bảo Q (vắng mặt).

- Ông Ngô Xuân T (vắng mặt).

Địa chỉ: 338 Đường Đ, Phường 1, Quận Y, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền số 922/2018/GUQ-MIC ngày 26/3/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Q.

3.4. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B.

Địa chỉ: 185 Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B: Bà Nguyễn Thị Mai T1, sinh năm 1991 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 185 Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền số 044-1/2018/UQ-TGĐ ngày 08/5/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B.

3.5. Ông Nguyễn Bảo K1, sinh năm 1968.

3.6. Bà Trần Thị Mỹ H1, sinh năm 1968.

3.7. Bà Nguyễn Thị Kiều H2, sinh năm 1994.

3.8. Ông Nguyễn Quang K1, sinh năm 1999.

3.9. Ông Nguyễn Hữu K2, sinh năm 1971.

3.10. Bà Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1972.

3.11. Ông Nguyễn Lê K3, sinh năm 1978.

3.12. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986.

3.13. Trẻ Nguyễn Nhật Trúc P, sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Nhật Trúc P là bà Nguyễn Thị H3.

3.14. Ông Nguyễn Đăng K4, sinh năm 1976.

3.15. Bà Nguyễn Thị Giáng H4, sinh năm 1990.

3.16. Trẻ Nguyễn Đăng Q1, sinh năm 2015.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Đăng Q1 là bà Nguyễn Thị Giáng H4.

3.17. Bà Nguyễn Ngọc Đan V, sinh năm 1996.

3.18. Ông Nguyễn Hoàng K5, sinh năm 1973.

3.19. Bà Lại Thị Minh T1, sinh năm 1971.

3.20. Bà Nguyễn Thụy Hoàng T2, sinh năm 2000.

3.21. Bà Nguyễn Thị Kiều H5, sinh năm 1970.

3.22. Bà Võ Thị Thủy Đ1, sinh năm 1974.

3.23. Trẻ Lê Vũ Xuân A, sinh năm 2004.

3.24. Trẻ Lê Vũ Khả A1, sinh năm 2014.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Xuân A và trẻ Khả A1 là bà Võ Thị Thủy Đ1.

Cùng địa chỉ: 81/17 Đường V, Phường X, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được liệt kê từ 3.5 đến 3.24: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, quận TĐ, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền được công chứng số 22755, Quyển số 8/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2019 tại Văn phòng Công chứng B, Thành phố H.

3.25. Bà Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh năm 2000 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 81/17 Đường V, Phường X, quận B, Thành phố H.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Lê Tứ Q, sinh năm 1947.

Địa chỉ: 81/17 Đường V, Phường X, quận B, Thành phố H.

4.2. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B, Thành phố H.

Địa chỉ: 06 Đường L, Phường M, quận B, Thành phố H.

4.3. Công ty cổ phần Xây dựng V.

Địa chỉ: 252 B1 Đường R, Phường S, Quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ , người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Tứ Q là ông Nguyễn Ngọc L trình bày ý kiến:

Vào khoảng tháng 01/2016, công trình cống thoát nước rạch P, Phường X, quận B thi công đến đoạn từ Nguyễn Cửu Vân đến đường Trường Sa. Các phương tiện cơ giới vận chuyển vật tư thiết bị thi công đều phải chạy ngang qua nhà 81/17 đường V, Phường X, quận B của bà Lê Tứ Q đã làm ảnh hưởng hư hỏng căn nhà.

Ngày 17/03/2016, bà Q đã phản ảnh đến Ủy ban nhân dân Phường X, quận B. Đến ngày 11/04/2016, Ủy ban nhân dân Phường X và các đơn vị liên quan đã đến nhà 81/17 để xem xét.

Theo kết quả kiểm định của Công ty Kiểm định xây dựng SG (SCQC) tháng 9/2016 thì nguyên nhân nhà 81/17 đường V bị nghiêng, lún… là do việc thi công dự án cống hộp P.

Phía bị đơn chỉ ghi nhận ý kiến và hứa hẹn sẽ giải quyết nhưng đã không thực hiện. Sau đó, căn nhà bị hư hỏng nghiêm trọng và đã buộc phải phá bỏ để bảo đảm an toàn.

Tháng 10/2018, bà Q đã phải di dời hết người và đồ vật trong nhà đi chỗ khác, việc kinh doanh cũng phải dừng hoạt động gây ra nhiều thiệt hại.

Do việc xây dựng công trình đã ảnh hưởng, gây thiệt hại nghiêm trọng cho nhà 81/17, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường cụ thể các khoản như sau: Tiền thuê nhà trọ từ tháng 10/2019 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án tạm tính là: 2.500.000 đồng/phòng x 6 phòng x 10 tháng (tháng 10+11+12+1+2+3+4+5+6+7) = 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); 3.000.000 đồng (di dời toàn bộ vật tư); yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do việc ngưng kinh doanh tiệm rửa xe lợi nhuận cho 1 tháng là 15.000.000 đồng x 10 tháng = 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng; tháo dỡ nhà bị nghiêng, lún toàn bộ căn nhà diện tích sử dụng là 210 m^2 = 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng; xây dựng mới lại căn nhà 81/17 đường V quận B, sử dụng

là: cừ tràm, móng đơn, trệt, lửng, 2 lầu, ô cầu thang mái che: 210m^2 x 6.130.000 đồng/m^2 = 1.232.130.000 đồng. Tổng cộng là 1.557.130.000 đồng.

Bị đơn là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Huy Gia T trình bày:

Đơn vị thi công đã thi công đúng theo bản vẽ, thiết kế, các yêu cầu kỹ thuật. Ngày 19/4/2017, phía bị đơn và đơn vị thi công đã đề nghị nguyên đơn căn cứ vào kết luận giám định của Công ty kiểm định SG SCQC để tiến hành sửa chữa nhưng phía nguyên đơn không đồng ý, gây khó khăn, do đó không thể sửa chữa kịp thời, nguyên nhân gây hư hỏng nặng là do phía nguyên đơn không hợp tác. Nguyên đơn không đồng ý giải pháp này nên mới khởi kiện ra tòa. Lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn nên không có căn cứ để bị đơn bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng V có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Đăng K trình bày ý kiến:

Trong hồ sơ thiết kế đã có đề xuất các giải pháp thi công, đơn vị thi công đã thực hiện đúng dưới sự giám sát, tư vấn đầy đủ của công ty LN. Nguyên nhân gây ra việc hư hỏng nhà của nguyên đơn là do nhà của nguyên đơn xây dựng không đúng kỹ thuật, nền móng không đảm bảo trên nền đất yếu, nhà cao hơn 15m nhưng móng và tường không đảm bảo cho loại nhà 2 tấm với chiều cao trên. Việc nhà của nguyên đơn lún, nứt do hoạt động bình thường trong xây dựng vì kết cấu kỹ thuật nhà không đảm bảo. Việc thi công là đúng kỹ thuật, không phải là nguyên nhân làm cho công trình nhà của nguyên đơn hư hỏng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty tư vấn xây dựng LN có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty thực hiện công việc theo đúng yêu cầu kỹ thuật, giám sát đúng. Kết quả giám định không xác định rõ nguyên nhân và không nêu được tỷ lệ gây thiệt hại nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và các căn cứ mà nguyên đơn nêu ra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm B có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Mai T trình bày: Tổn thất của căn nhà 81/17 đường V nếu được Tòa án xác định lỗi của người được bảo hiểm, sau khi người được bảo hiểm bồi thường cho chủ căn nhà, nếu có yêu cầu thì chúng tôi sẽ căn cứ Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm…để xem xét trách nhiệm bảo hiểm của B đối với người được bảo hiểm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần bảo hiểm Q có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Bảo Q và ông Ngô Xuân T trình bày ý kiến: Tổn thất của nhà bà Lê Tứ Q do nguyên nhân thuộc điểm loại trừ bảo hiểm, hơn nữa tại thời điểm xảy ra tổn thất thì thời hạn của hợp đồng bảo hiểm đã hết thời hạn. Do vậy, tổn thất trên không thuộc phạm vi bồi thường của Công ty cổ phần bảo hiểm Q.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Tứ Q có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, do việc xây dựng công trình đã ảnh hưởng, gây thiệt hại cho nhà

81/17 đường V, Phường X, quận B, Thành phố H, làm cho căn nhà bị thiệt hại nghiêm trọng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền 1.557.130.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng V có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Đăng K trình bày ý kiến: Công ty cổ phần xây dựng V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, vẫn giữ nguyên ý kiến trước đây đã trình bày tại sơ thẩm.

Tại Bản án sơ thẩm số 1396/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân quận B, đã tuyên xử:

"1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – bà Lê Tứ Q.

Buộc bị đơn là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận B bồi thường cho nguyên đơn: Tiền xây dựng nhà là 827.991.360 đồng; tiền thuê nhà là 150.000.000 đồng; tiền mất thu nhập từ kinh doanh là 150.000.000 đồng; tiền cho phí tháo giỡ là 22.000.000 đồng và tiền vận chuyển đồ đạc là 3.000.000 đồng. Tổng cộng là: 1.152.991.360 đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Ngọc L, đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị đơn bồi thường tiền thuê chỗ ở 150.000.000 đồng."

Ngoài ra, bản án còn tuyên các vấn đề về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2020, bị đơn là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 30/9/2020, nguyên đơn bà Lê Tứ Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Lê Tứ Q có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc L xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường tổng cộng số tiền 1.557.130.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty xây dựng V, là đơn vị thi công có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Đăng K trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty xây dựng V là bà Nguyễn Thị Lan S có ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến: Về thủ tục: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty xây dựng V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B là có căn cứ, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Luật sư; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Tứ Q và bị đơn là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) là tranh chấp về "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Tứ Q, bị đơn Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty xây dựng V đã được gửi đến Tòa còn trong hạn nên chấp nhận để xem xét.

Về việc ủy quyền: Xét văn bản ủy quyền của đương sự là hợp lệ, đảm bảo hình thức và nội dung đúng theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Bị đơn là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B), Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm B đã có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên là có căn cứ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty tư vấn LN và Công ty cổ phần bảo hiểm Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên là có cơ sở.

[3] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về nguyên nhân gây hư hỏng căn nhà 81/17 đường V của bà Lê Tứ Q được xác định như sau:

Theo kết quả kiểm định công trình số 18195/DV.32/SCQC ngày 4/9/2019 của Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng SG (tên viết tắt là SCQC) đã kết luận có hai nguyên nhân gây hư hỏng công trình 81/17 đường V, Phường X, quận B, Thành phố H như sau:

Thứ nhất là do bản thân công trình 81/17 đường V có có kết cấu móng nông trền nền đất yếu, móng bê tông cốt thép trên nền gia cố cừ tràm, rất dễ bị ảnh hưởng lún khi có ngoại lực làm biến dạng đất nền.

Thứ hai là do tác động bởi quá trình thi công dự án "cải tạo hệ thống thoát nước rạch P. Cụ thể: Khu vực thi công xây thuộc khu vực đất yếu, có chiều sâu ảnh hưởng lún lớn, rất dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động đến nền đất. Các hoạt động xây dựng, vận hành cơ giới thi công, đào đất và bơm hút nước ngầm trong quá trình thi công phần ngầm làm giảm thể tích trong đất, thay đổi tính chất cơ lý của nền đất dẫn đến hiện tượng biến dạng, gây lún sụt đất nền khu vực lân cận. Khi thi công hố đào ở khu vực đất yếu, dùng cừ Larsen để giữ thành thì trong phạm vi (2+5)H kể từ vách hố đào (H là chiều sâu hố đào) các công trình hiện hữu có thể bị ảnh hưởng lún nền móng, thể hiện qua việc biến dạng nền và lún nghiêng móng công trình lân cận về phía hố đào.

Đồng thời, theo Văn bản số 280/CV.32/SCQC ngày 20/6/2019 của Công ty SCQC thì: *Do không có hồ sơ ghi nhận hiện trạng công trình nhà số 81/17 đường V, Phường X, quận B trước khi thi công dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch P, do đó không phân định rõ "mức độ lún nghiêng" tự thân công trình 81/17 đường V (nếu có) và "độ lún nghiêng" do tác động từ việc thi công dự án cũng như tỷ lệ % tác nhân gây ra.*

Tuy nhiên, theo Chỉ thị 209/2007/CT-UBND ngày 27/3/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì việc ghi nhận hiện trạng các công trình lân cận trước khi thi công xây dựng công trình mới là trách nhiệm của chủ đầu tư dự án (tức bị đơn trong vụ án).

Với kết luận giám định nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn nhà 81/17 đường V được xây dựng mới từ năm 2014, công trình sau khi xây xong được đưa vào sử dụng bình thường. Từ năm 2014 đến năm 2016 thì việc sử dụng công trình an toàn không có sự cố. Việc nghiêng, nứt công trình chỉ xảy ra khi thi công dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch P. Căn cứ kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định việc thi công công trình cống thoát nước rạch P là nguyên nhân chính dẫn đến làm hư hỏng công trình nhà 81/17 đường V, có cơ sở xác định tỷ lệ lỗi từ phía nguyên đơn là 30% và bị đơn là 70% là hợp lý như án sơ thẩm đã nhận định.

Xét ý kiến của bị đơn cho rằng sau khi có kết luận của Công ty kiểm định SG năm 2016, phía bị đơn đã đề nghị được sửa chữa theo đúng kết luận kiểm định nhưng phía nguyên đơn không đồng ý, không tạo điều kiện cho phía bị đơn

thực hiện, dẫn đến công trình ngày càng xuống cấp, hư hỏng. Lỗi này thuộc về nguyên đơn nên bị đơn không chấp nhận bồi thường. Đối với lập luận này, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi công trình 81/17 đường V bị ảnh hưởng thì phía nguyên đơn và bị đơn đã nhiều lần hòa giải nhưng các bên không thống nhất được phương án sửa chữa. Phía bị đơn không đưa ra được phương án cụ thể để sửa chữa như thế nào, việc di dời những người ở trong gia đình ra ngoài để sửa chữa hay vẫn ở lại trong nhà khi tiến hành sửa chữa, không thống nhất được giá trị bồi thường; Như vậy, đây không phải lỗi hoàn toàn của phía nguyên đơn. Do đó, bị đơn cho rằng việc không sửa chữa được nhà 81/17 do lỗi hoàn toàn phía nguyên đơn là không có căn cứ.

- Về thiệt hại phát sinh cho nhà 81/17 đường V được xác định như sau:

Theo Văn bản số 280/CV.32/SCQC ngày 20/6/2019 của Công ty SCQC thì: Công trình có mức độ nguy hiểm cấp độ D (khả năng chịu lực của kết cấu không thể đáp ứng được yêu cầu sử dụng bình thường, nhà xuất hiện tình trạng nguy hiểm tổng thể).

Theo Thông báo số 160/TB-UBND của Ủy ban nhân dân Phường X về việc buộc gia đình nguyên đơn phải nhanh chóng di dời người và tài sản ra khỏi công trình nhà 81/17 đường V và trên cơ sở kết luận của Sở Xây dựng về việc phá dỡ căn nhà để đề phòng ngừa sự cố là phù hợp thì việc nguyên đơn đã ký hợp đồng tháo dỡ kiến trúc với Công ty TNHH Đ về việc tháo dỡ công trình nhà 81/17 đường V ngày 23/3/2020 là phù hợp.

Theo hợp đồng xây dựng giữa nguyên đơn và Công ty TNHH N, công trình xây dựng với diện tích 332,75 m^2, đơn giá xây dựng phần thô và hoàn thiện là 6.130.000 đồng/m^2, nguyên đơn yêu cầu bồi thường diện tích 201 m^2, bằng với diện tích của công trình cũ, tổng số tiền là 1.232.130.000 đồng.

Ngày 08/6/2020, nguyên đơn đã ký hợp đồng thi công xây dựng với Công ty TNHH N về việc xây dựng công trình xây dựng với diện tích 332,75m^2, đơn giá xây dựng phần thô và hoàn thiện là 6.130.000 đồng/m^2.

Xét yêu cầu bồi thường phần diện tích 201m^2 (diện tích nhà trước khi bị phá dỡ) với đơn giá 6.130.000 đồng/m^2 với tổng số tiền 1.232.130.000 đồng thì thấy rằng:

Đơn giá xây dựng 6.130.000 đồng/m^2 là phù hợp với giá trị thực tế tại thời điểm này và không tính giá trị phần cọc móng là phù hợp. Mặt khác, tại thời điểm công trình bị hư hỏng phải phá dỡ để xây lại thì công trình đã được sử dụng 2 năm, tổng thời gian khấu hao công trình là 50 năm, giá trị khấu hao là 2%/năm. Như vậy, cơ sở xác định giá trị bồi thường đó là: 1.232.130.000 đồng – (2 năm*2% * 1.232.130.000) = 1.182.844.800 đồng. Do tỷ lệ lỗi của bị đơn được xác định như trên là 70% nên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại với số tiền 70% * 1.182.844.800 đồng = 827.991.360 đồng.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường trả tiền thuê nhà 15 triệu đồng/tháng trong thời gian 10 tháng thì thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là các hợp đồng thuê phòng trọ với giá 2.500.000 đồng/1 phòng, số phòng được nguyên đơn cho thuê là 6 phòng. Xét thấy đây là mức giá hợp lý, phù hợp với thị trường về giá cho thuê nhà hiện nay. Đồng thời trong quá trình tiến hành kiểm định từ khảo sát sơ bộ hiện trường đến khảo sát điều tra công trình và kết quả kiểm định ngày 20/6/2019; Tổ chức kiểm định đều khuyến cáo và kiến nghị rất cụ thể: "*Đề nghị chủ nhà 81/17 đường V, Phường X tạm ngưng việc sử dụng và tiến hành chống đỡ toàn bộ công trình*". Do đó, việc nguyên đơn phải thuê nhà ở trong thời gian 10 tháng mà không thể ở tại căn nhà 81/17 đường V là hoàn toàn chính đáng. Thiệt hại phát sinh phải mất tiền thuê nhà, bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà của nguyên đơn với số tiền 150.000.000 đồng.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường tiền thu nhập do kinh doanh dịch vụ rửa xe 15 triệu đồng/tháng trong thời gian 10 tháng thì thấy rằng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 4108037044, cấp ngày 12/9/2018, đại diện hộ kinh doanh là bà Nguyễn Thị Kiều H5, việc kinh doanh dịch vụ rửa xe tại mặt bằng nhà 81/17 đường V là hoàn toàn hợp pháp. Tuy nhiên do mức độ nguy hiểm của công trình, buộc phải di dời nên việc mất thu nhập từ hoạt động kinh doanh này được xác định là thiệt hại thực tế. Về mức thu nhập bị mất là 15 triệu đồng/tháng là phù hợp với thu nhập thực tế bị mất. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền thu nhập do kinh doanh dịch vụ rửa xe của nguyên đơn với số tiền 150.000.000 đồng.

- Xét yêu cầu bồi thường tiền di dời 3.000.000 đồng và chi phí tháo dỡ 22.000.000 đồng thì thấy rằng nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ chứng minh đầy đủ cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà là 150.000.000 đồng thì xét thấy các đương sự đã rút lại yêu cầu này, việc rút lại yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận, việc cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 827.991.360 đồng tiền xây mới lại công trình, 150.000.000 đồng tiền thuê nhà ở, 150.000.000 đồng tiền mất thu nhập từ kinh doanh rửa xe, 22.000.000 đồng tiền chi phí tháo dỡ và 3.000.000 đồng tiền di dời. Tổng cộng là: 1.152.991.360 đồng. Bản án sơ thẩm xác định mức độ thiệt hại về giá trị bồi thường như trên là có căn cứ hợp lý. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về chi phí kiểm định công trình là 22.000.000 đồng nguyên đơn đã tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn, không buộc bị đơn phải chịu.

Về nghĩa vụ án phí phúc thẩm của nguyên đơn thì theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật thì bà Lê Tứ Q thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm theo quy định.

Về nghĩa vụ án phí phúc thẩm của bị đơn Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng V thì do yêu cầu kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Tứ Q, bị đơn Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng V.

Giữ nguyên phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 1396/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận B, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – bà Lê Tứ Q.

Buộc bị đơn là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) bồi thường cho nguyên đơn: Tiền xây dựng nhà là 827.991.360 đồng; tiền thuê nhà là 150.000.000 đồng; tiền mất thu nhập từ kinh doanh là 150.000.000 đồng; tiền cho phí tháo dỡ là 22.000.000 đồng và tiền vận chuyển đồ đạc là 3.000.000 đồng. Tổng cộng là: 1.152.991.360 (một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, chín trăm chín mươi mốt ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng . Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Ngọc Lợi, đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị đơn bồi thường tiền thuê chỗ ở 150.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 46.589.741 (bốn mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm bốn mươi mốt) đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) phải nộp.

- Bà Lê Tứ Q không phải chịu án phí cho phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bà Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0003599 ngày 13/12/2017 và 15.942.600 (mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0020210, ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B, Thành phố H.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Ngọc L số tiền 3.825.000 (ba triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0021782, ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lê Tứ Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0088480 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B (nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực quận B) đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Công ty cổ phần xây dựng V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0088478 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Công ty cổ phần xây dựng V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP. H;
- TAND quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thế Trọng